

Với bộ tài liệu giải bài tập SGK Tiếng anh lớp 8 **Unit 12: A Closer Look 1** trang 60 SGK chi tiết nhất được tổng hợp kiến thức trọng tâm của bài và lời giải hay của các bài tập trong sách giáo khoa nằm trong nội dung chương trình giảng dạy bộ môn Tiếng anh lớp 8 giúp các em học sinh dễ dàng tiếp thu và củng cố kiến thức trong quá trình học tập. Mời quý thầy cô cùng các em học sinh tham khảo bài viết chi tiết dưới đây.

Soạn Unit 12: A Closer Look 1 SGK Tiếng anh 8 trang 60

Vocabulary

1. Use the names of the planets ... (Sử dụng tên của những hành tinh trong khung để gọi tên hệ mặt trời.)

- A. Mercury (Sao Thủy) B. Venus (Sao Kim)
E. Saturn (Sao Thổ) C. Mars (Sao Hỏa)
F. Neptune (Sao Hải Vương) D. Jupiter (Sao Mộc)

2. Now scan the passage and ... (Bây giờ đọc lướt qua đoạn văn và kiểm tra câu trả lời của bạn.)

Hướng dẫn dịch:

Những hành tinh trong hệ mặt trời được gọi theo những vị thần La Mã. Sao Thủy là hành tinh nhỏ nhất và gần mặt trời nhất. Nó được gọi theo tên của thần Mercury La Mã, là người đưa tin tức nhanh như bay của những vị thần, bởi vì nó di chuyển rất nhanh. Sao Kim là hành tinh thứ hai của mặt trời. Nó được đặt theo tên của thần tình yêu và sắc đẹp La Mã. Sao Hỏa là hành tinh thứ tư của mặt trời và là hành tinh nhỏ thứ hai. Nó được gọi tên theo thần chiến tranh La Mã. Hành tinh thứ 5 từ mặt trời là sao Mộc. Nó cũng là hành tinh lớn nhất. Những người La Mã đặt nó theo tên của thần sấm chớp La Mã. Sao Thổ là hành tinh thứ 6 của mặt trời và là hành tinh lớn thứ hai. Nó được đặt theo tên của thần nông nghiệp La Mã. Sao Hải Vương là hành tinh thứ 8 của hệ mặt trời. Nó được đặt theo tên của thần biển La Mã.

3. Write the names of the planets ... (Viết tên của các hành tinh mà nối với các vị Thần La Mã.)

1. Neptune -- God of sea (Thần biển)

2. Saturn -- God of agriculture (Thần nông)
3. Mars -- God of war (Thần chiến tranh)
4. Jupiter -- God of thunder and lightning (Thần sấm chớp)
5. Venus -- God of love and beauty (Thần tình yêu và sắc đẹp - thần Vệ Nữ)

4.a Add suffixes -ful or -less ... (Thêm hậu tố -ful hoặc -less vào những từ trong khung. Lưu ý rằng vài từ có thể sử dụng cả hai hậu tố.)

-full -less

resourceful resourceless

beautiful weightless

wonderful waterless

airless

b. Now use the topic of space to ... (Bây giờ sử dụng chủ đề không gian để đặt câu cho mỗi từ mới. So sánh với câu của bạn học.)

Gợi ý:

- Earth looks beautiful from space.
- Venus is a dry and waterless planet.
- Everything is weightless in space.
- It's wonderful to see the earth from space.
- Mars is resourceful.
- The sun is the most weightful in solar system.
- A lot of planets are airless.

Pronunciation

5. Put the stress in the correct ... (Đặt trọng âm vào đúng chỗ trong những từ sau. Sau đó nghe và kiểm tra.)

Bài nghe:

'thoughtless 'meaningful 'helpless

'meaningless 'helpful 'thoughtful

'useless 'plentiful 'useful

6. Read the following sentences and ... (Đọc những câu sau và đánh dấu trọng âm vào những âm tiết được nhấn ở những từ in nghiêng. Sau đó nghe và lặp lại.)

Bài nghe:

1. 'meaningful 2. 'helpful 3. 'helpless

4. 'useful 5. 'plentiful

Nội dung bài nghe:

1. Her speech on the environment was 'meaningful.
2. My teacher is so 'helpful when we don't understand.
3. I was 'helpless to stop the dog biting me.
4. This dictionary is so 'useful.
5. There is 'plentiful water for life on Earth.

Hướng dẫn dịch:

1. Bài nói của cô ấy về môi trường thật ý nghĩa.
2. Giáo viên của tôi rất hay giúp đỡ khi chúng tôi không hiểu điều gì.
3. Tôi chẳng giúp gì được để ngăn con chó cắn.
4. Từ điển này rất hữu dụng.

5. Có nhiều nước cho sự sống trên Trái đất.

CLICK NGAY vào **TẢI VỀ** dưới đây để download tài liệu giải bài tập SGK Tiếng anh lớp 8 **Unit 12: A Closer Look 1** trang 60 sách mới được tổng hợp chi tiết, hay nhất với file word, pdf hoàn toàn miễn phí. Chúc các em học sinh đạt được những kết quả tốt trong kỳ thi sắp tới.